

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **19**/2022/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày **10** tháng **8** năm 2022

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN: **S**
Ngày: **30/8/2022**

THÔNG TƯ

Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 89/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê gồm: đối tượng áp dụng và nội dung chế độ báo cáo các chỉ tiêu thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê, bao gồm:

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các đoàn thể và cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức khác được giao kế hoạch đầu tư công.

3. Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Các tổ chức, cá nhân khác tham gia quản lý và thực hiện báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

Điều 3. Nội dung chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về đăng ký doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển hợp tác xã, đầu tư, quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế

1. Danh mục biểu mẫu báo cáo, biểu mẫu và giải thích biểu mẫu báo cáo của các chỉ tiêu về đăng ký doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển hợp tác xã, đầu tư, quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

- a) Phụ lục số I: Biểu mẫu báo cáo về đăng ký doanh nghiệp;
- b) Phụ lục số II: Biểu mẫu báo cáo về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- c) Phụ lục số III: Biểu mẫu báo cáo về phát triển hợp tác xã;
- d) Phụ lục số IV: Biểu mẫu báo cáo về đầu tư;
- đ) Phụ lục số V: Biểu mẫu báo cáo về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế;
- e) Phụ lục số VI: Giải thích các biểu mẫu báo cáo.

2. Đơn vị báo cáo: được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu báo cáo thống kê ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đơn vị nhận báo cáo: được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu báo cáo thống kê ban hành kèm theo Thông tư này, dưới dòng đơn vị báo cáo.

4. Đơn vị đầu mối báo cáo: là đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực báo cáo được quy định tại Thông tư này, gồm: Tổng cục Thống kê, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Cục Phát triển doanh nghiệp, Cục Phát triển hợp tác xã, Cục Đầu tư nước ngoài, Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân, Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Quản lý các khu kinh tế.

5. Kỳ báo cáo

Kỳ báo cáo được ghi ở phần giữa của từng biểu mẫu báo cáo và được tính theo ngày dương lịch, bao gồm:

- a) Báo cáo thống kê tháng được tính từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng báo cáo;
- b) Báo cáo thống kê quý được tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên đến hết ngày cuối cùng của tháng thứ ba của kỳ báo cáo;
- c) Báo cáo thống kê 6 tháng được tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên đến hết ngày cuối cùng của tháng thứ sáu của kỳ báo cáo;

d) Báo cáo thống kê năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo;

đ) Báo cáo đột xuất: Báo cáo thống kê trong trường hợp khi có sự vật, hiện tượng đột xuất xảy ra hoặc khi có yêu cầu phục vụ công tác điều hành của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

e) Báo cáo thống kê khác: Báo cáo thống kê có kỳ báo cáo và thời hạn báo cáo được ghi cụ thể trong từng biểu mẫu báo cáo.

6. Thời hạn nhận báo cáo là ngày nhận báo cáo được ghi cụ thể tại từng biểu mẫu báo cáo thống kê ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Phương thức gửi báo cáo:

a) Thực hiện gửi, nhận báo cáo trực tiếp trên Hệ thống thông tin thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê, được xác thực bằng tài khoản được cấp cho đại diện cơ quan, đơn vị báo cáo và nhận báo cáo. Các biểu mẫu báo cáo sẽ được tổng hợp và in trực tiếp từ Hệ thống.

b) Trường hợp Hệ thống thông tin thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chưa hoạt động hoặc có sự cố về truyền dữ liệu, đơn vị báo cáo gửi báo cáo vào hộp thư điện tử thongke@mpi.gov.vn. Báo cáo qua hệ thống thư điện tử được thể hiện dưới 01 trong 02 hình thức gồm: bản quét màu từ bản giấy có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị báo cáo hoặc tệp tin điện tử được xác thực bằng chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị báo cáo;

c) Đối với các nội dung phải quản lý theo chế độ mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo kỳ báo cáo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Nội dung chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về giám sát và đánh giá đầu tư, quản lý đầu thầu, thống kê, thu hút đầu tư nước ngoài, tỷ trọng giá trị gia tăng của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tổng sản phẩm trong nước

1. Nội dung chế độ báo cáo và biểu mẫu báo cáo các chỉ tiêu thống kê về giám sát và đánh giá đầu tư tại Phụ lục số VII kèm theo Thông tư này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư và Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

2. Nội dung chế độ báo cáo và biểu mẫu báo cáo các chỉ tiêu thống kê về quản lý đấu thầu tại Phụ lục số VIII kèm theo Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Thông tư số 09/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước và hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Nội dung chế độ báo cáo và biểu mẫu báo cáo các chỉ tiêu thống kê ngành Thống kê tại Phụ lục số IX kèm theo Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BKHĐT ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê và các quy định tại Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

4. Nội dung chế độ báo cáo và biểu mẫu báo cáo các chỉ tiêu thống kê về tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Phụ lục số X kèm theo Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

5. Nội dung chế độ báo cáo và biểu mẫu báo cáo chỉ tiêu thống kê về Tỷ trọng giá trị gia tăng của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tổng sản phẩm trong nước sẽ được ban hành và tổ chức thực hiện sau khi xây dựng được chế độ thu thập, báo cáo phù hợp.

6. Đối với các chỉ tiêu báo cáo thống kê quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, và 5 Điều này:

a) Trường hợp đã được triển khai báo cáo trực tuyến trên các Hệ thống thông tin chuyên ngành: Thực hiện tích hợp, chia sẻ các số liệu báo cáo từ Hệ thống thông tin chuyên ngành về Hệ thống thông tin thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

b) Trường hợp chưa triển khai báo cáo trực tuyến trên các Hệ thống thông tin chuyên ngành: Thực hiện gửi, nhận báo cáo trực tiếp trên Hệ thống thông tin thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

c) Đơn vị đầu mối báo cáo gồm: Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư, Cục Quản lý đấu thầu, Tổng cục Thống kê, Cục Đầu tư nước ngoài.

Điều 5. Số liệu báo cáo thống kê

1. Các số liệu báo cáo thống kê phải bảo đảm phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình hoạt động của lĩnh vực quản lý ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

2. Khi có chỉnh sửa số liệu đã báo cáo hoặc số liệu trong kỳ báo cáo có biến động khác thường, đơn vị báo cáo phải gửi kèm thuyết minh báo cáo qua Hệ thống thông tin thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê cho đơn vị nhận báo cáo.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Trung tâm Tin học, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, nâng cấp, quản lý, vận hành, khai thác và hướng dẫn sử dụng Hệ thống thông tin thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê; điện tử hóa các biểu mẫu báo cáo; triển khai việc giao tiếp nhận báo cáo trên Hệ thống; cấp quyền khai thác, sử dụng Hệ thống;

b) Chủ trì theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê trực tuyến theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu, số liệu giữa Hệ thống thông tin thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê với các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác.

2. Đơn vị báo cáo có trách nhiệm:

a) Thu thập, tổng hợp, biên soạn số liệu báo cáo của các chỉ tiêu thống kê được phân công;

b) Chấp hành đầy đủ, chính xác theo biểu mẫu về nội dung báo cáo, thời điểm báo cáo và thời kỳ báo cáo. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo;

c) Phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn thống kê của Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê tại địa phương và các đơn vị có liên quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Các đơn vị liên quan thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Các đơn vị đầu mối báo cáo:

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Tin học theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo, hướng dẫn các đơn vị báo cáo trong trường hợp có vướng mắc về chế độ báo cáo các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực được phân công;

Chủ trì tổng hợp, biên soạn số liệu báo cáo các chỉ tiêu thống kê thuộc lĩnh vực đơn vị được phân công; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu tổng hợp, biên soạn; có trách nhiệm giải trình thông tin, số liệu và các chỉ tiêu báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan liên quan; gửi số liệu báo cáo tổng hợp của các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực phụ trách cho Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân để báo cáo khi có yêu cầu;

b) Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng và báo cáo Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành chế độ báo cáo thống kê đối với chỉ tiêu Tỷ trọng giá trị gia tăng của doanh nghiệp nhỏ và vừa của trong tổng sản phẩm trong nước theo lộ trình phù hợp;

c) Phối hợp với Trung tâm Tin học tổ chức thực hiện tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu, số liệu các chỉ tiêu thống kê của lĩnh vực được giao phụ trách vào Hệ thống thông tin thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

4. Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Tổng hợp báo cáo các chỉ tiêu thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê theo yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Lãnh đạo Bộ;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu điều chỉnh, bổ sung chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê trong quá trình thực hiện, theo yêu cầu quản lý, điều hành của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

c) Phối hợp với Trung tâm Tin học theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu tổng hợp ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê trực tuyến theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị đầu mối, tham gia hướng dẫn cho các cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê về chuyên môn nghiệp vụ thống kê trong việc thu thập và tổng hợp các chỉ tiêu thống kê theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê tại Thông tư này;

b) Hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê tổ chức tổng kết tình hình thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên theo định mức của các cơ

quan quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân khác do tổ chức, cá nhân đó tự bảo đảm.

3. Kinh phí đầu tư, duy trì cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2022.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời hướng dẫn, nghiên cứu, giải quyết./*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- HĐND, UBND, Sở KH&ĐT, BQLKCN, BQLKKT, BQLKCNC, Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bộ Tư pháp;
- Website của Chính phủ;
- Công báo VPCP;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT;
- Lưu: VT, Vụ TH

406

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng

DANH MỤC PHỤ LỤC BIỂU MẪU
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH KẾ HOẠCH, ĐẦU TƯ VÀ THỐNG KÊ
(Kèm theo Thông tư số 19/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 8 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1. Phụ lục số I: Biểu mẫu báo cáo về đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục số II: Biểu mẫu báo cáo về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa
3. Phụ lục số III: Biểu mẫu báo cáo về phát triển hợp tác xã
4. Phụ lục số IV: Biểu mẫu báo cáo về đầu tư
5. Phụ lục số V: Biểu mẫu báo cáo về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế
6. Phụ lục số VI: Giải thích các biểu mẫu báo cáo
7. Phụ lục số VII: Danh mục chỉ tiêu thống kê về giám sát và đánh giá đầu tư
8. Phụ lục số VIII: Danh mục chỉ tiêu thống kê về quản lý đấu thầu
9. Phụ lục số IX: Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành thống kê
10. Phụ lục số X: Danh mục chỉ tiêu thống kê về tình hình thu hút đầu tư nước ngoài

Danh mục biểu mẫu chế độ báo cáo thống kê ngành kế hoạch, đầu tư và thống kê ban hành kèm theo Thông tư được đăng tải tại đường link:

<https://vanbanphapluat.mpi.gov.vn/ChiTiet/pdf.494a48a7-6c65-4a00-997d-0940d9e5516b>